

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-7-2023.

V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Võ Thị Thanh Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1968.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1969.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-6-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi chung sống với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 tại thôn Trung Nam, xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An từ năm 1992, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới.

Năm 1998, chúng tôi chuyển vào xã Nâm N’Jang, huyện Đăk Song sinh sống, sau đó tách xã, về Thôn 7, xã Đăk N’Drung, huyện Đăk Song. Nay Thôn 7, xã Đăk N’Drung, huyện Đăk Song sáp nhập bon Bu Boong, thành Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Quá trình chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2006, chủ yếu là do không hợp nhau. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng với chị H không còn, tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố tôi và chị Nguyễn Thị H không có quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 04 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 10-11-1996; Nguyễn Thị D, sinh ngày 20-11-1999; Nguyễn Đình V, sinh ngày 01-6-2002 và Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 21-12-2006.

Hiện Nguyễn Đình Tr đang ở chung với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Đình Tr đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Đối với 03 con còn lại đã thành niên, có khả năng lao động tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi hiện làm nông, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như trình bày của anh Nguyễn Đình T. Quá trình chung sống chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay tình cảm với anh T không còn, tôi đồng ý với yêu cầu của anh T, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 04 con chung như trình bày của anh T. Tôi đồng ý để anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 21-12-2006 đến tuổi trưởng thành. Đối với 03 con còn lại đã thành niên, có khả năng lao động tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị H; Giao con chung là Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 21-12-2006 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 10-11-1996; Nguyễn Thị D, sinh ngày 20-11-1999 và Nguyễn Đình V, sinh ngày 01-6-2002 đã thành niên, có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thị H và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Đắk Song có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị H đều thống nhất trình bày anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Việc anh chị chung sống nhưng không đăng ký kết hôn không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng và nghi thức tổ chức đám cưới không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Cả hai không còn sống chung trong thời gian dài chứng tỏ tình cảm không còn.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị H có bốn con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 10-11-1996; Nguyễn Thị D, sinh ngày 20-11-1999; Nguyễn Đình V, sinh ngày 01-6-2002 và Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 21-12-2006.

Anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 21-12-2006 đến tuổi trưởng thành. Chị H đồng ý với nguyện vọng của anh T. Nguyễn Đình Tr cũng có nguyện vọng được ở với ba. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T và chị H. Giao Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 21-12-2006 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với con chung của anh T và chị H là Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị D và Nguyễn Đình V đã thành niên, có khả năng lao động và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Đình T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53; Điều 15, Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T đối với chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị H, giao con Nguyễn Đình Tr, sinh ngày 21-12-2006 cho anh Nguyễn Đình T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Anh Nguyễn Đình T không yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0002364 ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã Đắk N'Drung;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà